

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2019/HNGĐ –ST**;

Ngày: 20/8/2019.

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Xê.

2. Ông Trần Mạnh Khang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức -Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý thụ lý số: 231/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2019 về việc :“*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Minh P, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn , xã Đức G, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn:** Anh Trần Đình T, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn , xã Đức G, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Minh Phương trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình T, sinh năm 1985, trú tại: Thôn , xã Đức G, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn từ năm 2009 tại UBND xã Hòa H, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì quan điểm sống không hợp nhau. Anh T thường xuyên ghen tuông. Chị đã 3 lần nộp đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, do anh T nhiều lần đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ nên chị đã rút đơn. Sau khi rút đơn, anh T không thay đổi, không có thiện chí hòa giải nên hai vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn. Chị đã sống ly thân anh T gần một năm nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Đình T có một con chung là cháu Trần Ngọc An A, sinh ngày 21/2/2015. Hiện tại, cháu A đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Đình T được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt.***

Đồng thời, anh T có đơn xin vắng mặt không tham gia các buổi làm việc và phiên hòa giải nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa có ý thức chấp hành quy định của pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh P. Cho chị P được ly hôn anh Trần Đình T.

Về con chung: Chị Trần Thị Minh Ph và anh Trần Đình T có một con chung là cháu Trần Ngọc An A, sinh ngày 21/2/2015. Khi ly hôn, chị Trần Thị Minh P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trần Đình T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị P là chính đáng không vi phạm điều cấm của luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị P nuôi dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Trần Thị Minh Ph và anh Trần Đình T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Anh Trần Đình T hiện đang cư trú tại xã Đức G, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh P:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh P và anh Trần Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của chị P và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau kết hôn, vợ chồng anh chị thường nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh T có biểu hiện ghen tuông khiến vợ chồng có mâu thuẫn sâu sắc. Chị P đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung.

Trong năm 2017, 2018 chị P đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn anh T, tuy nhiên sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, chị P kiên quyết xin ly hôn anh T, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều phiên hòa giải nhưng anh T đều xin vắng mặt, từ chối đến Tòa án làm việc, từ chối cung cấp ý kiến của mình, điều đó thể hiện anh T bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời hai vợ chồng đã sống ly thân, không

còn quan tâm đến nhau, không cùng chung sức xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.* Như vậy hiện tại chị P và anh T đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị Phương được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung:

Chị Trần Thị Minh Ph và anh Trần Đình T có một con chung là cháu Trần Ngọc An A, sinh ngày 21/2/2015. Khi ly hôn, chị P đề nghị giao cho chị Phg trực tiếp nuôi dưỡng cháu A.

Xét thấy: cháu Trần Ngọc An A có giới tính nữ, hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng do chị P đảm nhiệm. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, môi trường sống cũng như sự phát triển bình thường của cháu A; đồng thời quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến, quan điểm gì đối với việc nuôi con chung sau ly hôn. Do đó, cần tiếp tục giao cháu A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Minh P không yêu cầu anh Trần Đình T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Minh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2.4]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh P, cho chị Trần Thị Minh P được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc An A, sinh ngày 21/2/2015 cho chị Trần Thị Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Trần Đình T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Trần Thị Minh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Trần Thị Minh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Minh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2010/0008922 ngày 03 tháng 06 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức - TP Hà Nội. Chị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Hòa Hậu, H. Lý Nhân, T. Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Hải

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải